

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05/ 01/2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn,
về nuôi con chung”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN - TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Điền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Lan.
2. Bà Lương Thị Kim Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 339/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích N - Sinh năm 1994. (có mặt)
Trú tại: Thôn Đa Hòa B, xã Điện H, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.
2. *Bị đơn:* Ông Lê Phước H – Sinh năm 1992. (vắng mặt)
Trú tại: Thôn Đa Hòa N, xã Điện H, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và những lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:

- Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Lê Phước H kết hôn với nhau vào ngày 18 tháng 11 năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Điện H, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Quá trình chung sống hạnh phúc, vợ chồng đã sinh được một con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Theo lời khai của bà N là do sống không hợp, thường xuyên cãi nhau, đập phá đồ đạc. Ông H không tôn trọng bà N, xúc phạm đến gia đình của bà N. Ngoài ra, bà N còn nghi ngờ ông H sử dụng ma túy, vay nợ bên ngoài xã hội.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà Nguyễn Thị Bích N làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Phước H.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung.

- Lê Trương Phước H – Sinh ngày 07 tháng 4 năm 2020.

Hiện nay cháu H đang ở với bà N. Nếu ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông Lê Phước H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà N thay đổi mức cấp dưỡng, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài yêu cầu trên bà N không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Lê Phước H trình bày tại phiên hòa giải:

Về thời gian đăng ký kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà N là đúng. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng với gia đình và đã có một con chung với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà N khai là không đúng. Ông H không nghiện ma túy, vẫn còn thương yêu vợ con. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng nên không đồng ý ly hôn. Ông H đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ chung sống. Ông H sẽ sửa đổi tính tình để vợ chồng có điều kiện nuôi dạy con chung.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung.

- Lê Trương Phước H – Sinh ngày 07 tháng 4 năm 2020.

Hiện nay cháu H đang ở với bà N. Nếu bà N cương quyết xin ly hôn, ông Lê Phước H yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài các yêu cầu trên ông Lê Phước H không có yêu cầu gì khác.

Đại diện VKSND thị xã Điện Bàn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn bảo đảm, bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử. VKS đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39 của BLTTDS; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho bà Nguyễn Thị Bích N ly hôn ông Lê Phước H. Về nuôi con chung: Giao con là Lê Trương Phước H cho bà Nguyễn Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Phước H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Bích N khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Lê Phước H và yêu cầu nuôi con khi ly hôn. Đây là tranh chấp ly hôn, về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS. Thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

[2] Về tố tụng:

Ông Lê Phước H không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, Toà án đã tiến hành lập thủ tục cấp tổng đạt theo quy định tại điều 170 của BLTTDS nhưng ông Lê Phước H vẫn không đến Toà án. Căn cứ vào Điều 227 của BLTTDS Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lê Phước H.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích N và ông Lê Phước H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã có 01 con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà N khai là sống không hợp, thường xuyên cãi nhau, đập phá đồ đạc. Ông H không tôn trọng bà N, xúc phạm đến gia đình của bà N. Ngoài ra, bà N còn nghi ngờ ông H sử dụng ma túy, vay nợ bên ngoài xã hội.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên bà Nguyễn Thị Bích N làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Phước H.

Ông Lê Phước H thì cho rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn do bà N khai là không đúng. Ông H không nghiện ma túy, vẫn còn thương yêu vợ con. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng nên không đồng ý ly hôn. Ông H đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ chung sống.

HĐXX xét thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần hoà giải để vợ chồng Bà N và ông H về đoàn tụ chung sống, xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con chung nhưng bà N vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn ông H. Ông Hung đề

ngợi Tòa án hòa giải để vợ chồng về chung sống nhưng lại không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Không đến Tòa án trình bày ý kiến, nguyện vọng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù đã được hoà giải nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 51, 55 Luật hôn nhân gia đình xử cho bà Nguyễn Thị Bích N ly hôn ông Lê Phước H.

[4] Về nuôi con chung: Bà N và ông H có một con chung:

- Lê Trương Phước H – Sinh ngày 07 tháng 4 năm 2020. Hiện nay cháu H đang ở với Bà N. Bà N yêu cầu được nuôi con Lê Trương Phước H và yêu cầu ông Lê Phước H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Ông Lê Phước H không đồng ý ly hôn. Nếu bà N cương quyết xin ly hôn thì ông H yêu cầu được nuôi con Lê Trương Phước H và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX xét thấy: Việc giao con cho ai nuôi phải đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con trẻ. Xét thấy cháu Lê Trương Phước H còn nhỏ (chưa đủ 12 tháng tuổi) nên việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục rất cần thiết trong giai đoạn này. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên giao cháu Lê Trương Phước H – Sinh ngày 07 tháng 4 năm 2020 cho bà Nguyễn Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Phước H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi). Ông Lê Phước H có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Căn cứ điều 147 của BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Lê Phước H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 luật phí và lệ phí; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Bích N ly hôn ông Lê Phước H.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Trương Phước H – Sinh ngày 07 tháng 4 năm 2020 cho bà Nguyễn Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Phước H

có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với bà N mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 02 năm 2021 cho đến khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Lê Phước H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn theo Luật về hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002769 ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Nguyễn Thị Bích N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Lê Phước H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND thị xã;
- Các đương sự;
- CCTHADS thị xã;
- UBND xã Điện H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Điền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Lan Lương Thị Kim Anh

Thái Điền

Nơi nhận

- Toà án Tỉnh;
- VKSND thị xã;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- CCTHADS thị xã;
- UBND xã Điện Hồng;
- Lưu hồ sơ.

Thái Điền